

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 4- 2024  
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng,*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã  
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.*

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên tham gia phiên  
tòa: Ông Đặng Phương Nam – Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2023/TLST-  
HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết  
định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm  
2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị **Nèang Chanh T**, sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký hộ  
khẩu thường trú: **Tổ A, ấp S, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang;***

*- Bị đơn: Anh **Chau Sóc N**, sinh năm 1990; địa chỉ đăng ký hộ khẩu  
thường trú: **Tổ A, ấp S, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang;***

*- Người phiên dịch: Ông **Lục Tà D** – Phiên dịch viên.*

Chị **Nèang Chanh T** và anh **Chau Sóc N1** cùng có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên  
đơn chị **Nèang Chanh T** trình bày: Chị **T** và anh **N1** do quen biết tự tìm hiểu,

làm đám cưới và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, không đăng ký kết hôn; Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh **N1** nhậu nhẹt ăn chơi, không lo cho gia đình, thậm chí còn đánh chị **T**; Nay nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, nên chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **N1**.

Trong thời gia chung sống, chị **Nèang Chanh T** và anh **C** Sóc Na không có con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Chau Sóc N1** trình bày:* Anh **Chau Sóc N** thống nhất với chị **T** về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, anh chị và chị **N** do tự tìm hiểu, làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, không có đăng ký kết hôn; Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong thời gian chung sống, anh thừa nhận có lần nhậu về đánh chị **T**, chị **T** cũng có đổ nước canh vào mặt anh **N**; Nên anh **N** và chị **T** đã không sống chung với nhau từ nhiều năm nay; Nay anh **T** không đồng ý ly hôn với chị **N**.

Chị **T** và anh **N** không có con chung;

Trong thời gian chung sống, anh **N** và chị **T** có tài sản chung là căn nhà được xây dựng trên đất của mẹ chị **T** với giá trị 600.000.000 đồng; Anh **N** yêu cầu chia đôi số tiền 600.000.000 đồng tiền đã cất nhà.

Nợ chung gồm có: **Ngân hàng N3** – **Chi nhánh C1** 100.000.000 đồng, nợ tiền mượn đất của anh ruột anh **N** tên **Nèang Q** 36.000.000 đồng, nợ bà ngoại anh **N** 06 chỉ vàng 24 kara;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh **N** yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, Tòa án yêu cầu anh **N** làm đơn yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét giải quyết, nhưng anh **N** không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, tại phiên tòa anh **N** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

Ý kiến về giải quyết vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị **Nèang Chanh T** và anh **C** Sóc Na là vợ chồng.

*Về con chung:* Không có, nên không xem xét giải quyết;

*Tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn **thị xã T**. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Chị **Nèang Chanh T** và anh **C** Sóc Na đồng thống nhất tự tìm hiểu, sống chung với nhau năm 2015, không có đăng ký kết hôn, sau sống chung, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh **N** thường xuyên nhậu về đánh chị **T**, cầm dao hăm dọa chị **T**, đã được anh **N** và chị **T** thừa nhận, nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019; nên có cơ sở xác định chị **Nèang Chanh T** và anh **C** Sóc Na không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Từ đó, tuyên bố không công nhận chị **Nèang Chanh T** và anh **C** Sóc Na là vợ chồng.

[2.2] Anh **Chau Sóc N1** và chị **N2** Chanh Ty không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Anh **Chau Sóc N1** cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, chị **T** và anh **N1** có tài sản chung gồm: Căn nhà giá trị 600.000.000 đồng, nợ **Ngân hàng N3 – Chi nhánh C1** 100.000.000 đồng, nợ tiền mượn đất của anh ruột anh **N1** tên **Nèang Q** 36.000.000 đồng, nợ bà ngoại anh **N1** 06 chỉ vàng 24 kara đồng, Tòa án đã thông báo để anh **N1** thực hiện làm đơn yêu cầu phản tố để theo thông báo số 50/2024/TB-TA ngày 23/02/2024 trong thời hạn 15 ngày để thực hiện, nhưng anh **N1** không cung cấp tài liệu chứng cứ, cũng như làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; nên anh **N1** đã từ bỏ quyền tự chứng minh và yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của mình; Đồng thời tại phiên tòa, anh **N1** thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết; Anh **N1** có quyền khởi kiện trong một vụ án khác về tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn.

[2.4] Chị **Nèang T** phải chịu 300,000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh **Chau Sóc N1** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử: Tuyên bố không công nhận chị **Nèang T** và anh **C** Sóc Na là vợ chồng.

Chị **Nèang T** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009357 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên; chị **Nèang T** đã nộp đủ án phí.

Anh **Chau Sóc N** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị **Nèang T** và anh **C** Sóc Na được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát TX. Tỉnh Biên (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- CCTHADS TX. Tỉnh Biên (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thanh Hùng**

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**THẨM****TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****Nguyễn Thanh Tâm**